

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới) tại xã Nam Hồng và xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3160/STNMT-CCBVMT ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương; Văn bản số 2383/BQLDA-KHTH ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ban quản lý đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1096/TTr-TNMT ngày 27 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới) (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nam Hồng và xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nam Sách;
- UBND xã Nam Hồng;
- UBND xã An Sơn;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới) tại xã Nam Hồng và xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới).

- Địa điểm thực hiện: xã Nam Hồng và xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Diện tích lập quy hoạch thực hiện dự án là 84.341,5m², trong đó diện tích đất thực hiện dự án là 73.127,8m² và diện tích đất hành lang mở đường là 11.123,7m² thuộc xã Nam Hồng và xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Quy mô đầu tư của dự án: Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương đảm bảo về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu về chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, đáp ứng yêu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đối tượng yếu thế, nâng cao hiệu quả làm việc của viên chức, người lao động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương.

- Quy mô hoạt động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2025 phục vụ 750 đối tượng; định hướng đến năm 2030 phục vụ 1.000 đối tượng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình:

- Các hạng mục công trình chính:

+ Các hạng mục thuộc phân khu hành chính, hội trường, phân khu y tế, phục hồi chức năng, công tác xã hội: Nhà hội trường (1.195,84m²); nhà hành chính và công tác xã hội (699,86m²); nhà y tế - phục hồi chức năng (699,86m²); nhà cầu (70,11m²); bãi đỗ xe (1.126,8m²); bồn hoa, cây xanh (655,95m²); mặt nước (50m²); sân đường, hành lang (1.621,18m²).

+ Các hạng mục thuộc phân khu trẻ em học văn hóa, học nghề, trưng bày sản phẩm, trẻ em nuôi dưỡng lâu dài:

++ Khu nhà học văn hóa + học nghề, lao động sản xuất: Nhà học văn hóa 1 (1.904,1m²); nhà học văn hóa 2 (400m²); nhà cầu học văn hóa 1 (59,84m²); nhà học nghề, lao động sản xuất (2.407,44m²); nhà cầu học nghề lao động sản xuất (34m²); bồn hoa, cây xanh (1.889,15m²); sân đường (4.404,78m²).

++ Khu nhà đa năng + Khu vui chơi học sinh (khu thể thao) + Khu thực hành kỹ năng sống: Nhà đa năng (502,19m²); khu vui chơi học sinh (khu thể thao) (360m²); khu thực hành kỹ năng sống (1.150,03m²); bồn hoa, cây xanh (440,36m²); sân đường (163,4m²).

++ Khu nội trú trẻ em: Nhà nội trú trẻ em (2.827,52m²); khu vui chơi học sinh 1 (khu thể thao) (760m²); khu vui chơi học sinh 2 (khu thể thao) (1.448,91m²); nhà cầu nội trú trẻ em (60m²); bồn hoa, cây xanh (1.930,25m²); sân đường (2.343,67m²).

+ Các hạng mục thuộc phân khu người cao tuổi, người khuyết tật nuôi dưỡng lâu dài: Nhà nội trú cho người cao tuổi 1 (2.730,17m²); nhà nội trú cho người cao tuổi 2 (584,64m²); nhà cầu nội trú cho người cao tuổi (41,36m²); bồn hoa, cây xanh (1.975,68m²); sân đường (3.370,04m²).

- Hạng mục công trình phụ trợ:

+ Hạng mục cây xanh, bãi đỗ xe: Khu cây xanh 1 + điểm đỗ xe tạm (1.515,77m²); khu cây xanh 2 + điểm đỗ xe tạm (1.513,82m²); khu cây xanh (14.582,23m²).

+ Hạng mục kỹ thuật, phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật: Nhà bảo vệ 1 (20m²); Nhà bảo vệ 2 (26m²); nhà bếp tập trung (846,76m²); khu kỹ thuật (158,87m²); bãi đỗ xe có mái che (2.380m²); khu bồn hoa, cây xanh (1.517,51m²); Sân đường (895,77m²).

- Các công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải; trạm xử lý nước thải công suất 210 m³/ngày đêm (50m²); kho chứa chất thải thông thường (25m²) và kho chứa chất thải nguy hại (25m²).

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động đền bù, GPMB (thu dọn sinh khối, bóc lớp đất phủ bề mặt đối với diện tích đất lúa, di chuyển mộ, hoàn trả kênh mương).

- Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và lắp đặt trang thiết bị phục vụ hoạt động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh. Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, chất thải.

- Hoạt động vận hành của dự án: gồm hoạt động sinh hoạt, làm việc của cán bộ, viên chức của Trung tâm và của các đối tượng được học tập, chăm sóc tại Trung tâm; hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng có nhu cầu trợ giúp xã hội và cần được bảo vệ; hoạt động dạy nghề, dạy văn hóa và hoạt động của các phương tiện ra vào dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước 02 vụ khoảng 74.916,52m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động hoàn trả kênh mương; phá dỡ, di chuyển mộ.
- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét bùn hữu cơ: Phát sinh chất thải rắn.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.
- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi; tiếng ồn.
- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt trang thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.
- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động làm việc, sinh hoạt của cán bộ, viên chức và lao động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh; hoạt động dạy học, dạy nghề; hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại; bùn thải từ bể phốt và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 4,5 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và các vi sinh vật.
- Nước thải từ hoạt động rửa xe ra vào công trường trong giai đoạn san lấp mặt bằng và thi công xây dựng khoảng 4,7 - 4,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là đất, cát và dầu mỡ.
- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình trộn vữa, rửa dụng cụ, thiết bị trong quá trình thi công khoảng 4,0 m³/ngày. Thành phần chính là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng trên tuyến thoát nước thi công tạm thời.

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, viên chức, người lao động và người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật được chăm sóc tại Trung tâm khi đi vào hoạt động là 173,34m³/ngày đêm. Tính chất nước thải chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

3.1.2. Bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động san nền, thi công, lắp đặt các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyên nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC_s.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC_s.

- Mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, thùng chứa rác thải: Thành phần khí thải phát sinh gồm: CH₄, H₂S, NH₃....

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Phát sinh không đáng kể.

- Bụi, khí thải (mùi) từ hoạt động nấu ăn.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn từ quá trình thu dọn sinh khối thực vật: 16,48 tấn.

- Chất thải rắn từ hoạt động bóc tầng hữu cơ bề mặt đất trồng lúa khoảng 14.983,3 - 18.729,12 m³.

- Chất thải rắn do phá dỡ, di chuyển mộ: 40 tấn.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng khoảng 0,86 - 17,3 tấn/ngày. Thành phần gồm đầu mẩu sắt thép, tôn, gỗ vụn, gạch vỡ, đá, bê tông.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình lắp đặt trang thiết bị gồm bao bì carton, nilon, thùng xốp, gỗ pallet, đồ dùng hỏng... khoảng 2 tấn.

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 30 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thực phẩm, hộp nhựa, vỏ chai,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn trong quá trình hoạt động: Thùng carton, bao bì nilong bị rách, hỏng, chất thải từ khu vực văn phòng như giấy báo rách hỏng tổng khối lượng: 20-25kg/ngày; cành cây, lá cây trong quá trình vệ sinh sân đường nội bộ

khối lượng khoảng 15 kg/ngày; bụi bẩn trong quá trình vệ sinh sân đường, kho chứa khoảng 10 kg/ngày; mực in thải khu vực văn phòng khoảng 20 kg/năm; chất thải phát sinh từ quá trình dạy học văn hóa, dạy nghề cho các đối tượng khoảng 2.000 kg/năm; chất thải y tế không chứa thành phần nguy hại 50 kg/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 696 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy vụn, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm,...

- Bùn cặn từ hoạt động nạo vét, vệ sinh thu gom hệ thống tiêu thoát nước, hệ thống xử lý nước thải: 25 tấn/năm.

3.2.2. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt trang thiết bị với khối lượng khoảng 169,98 kg. Thành phần chủ yếu bao gồm dầu thải; gang tay, giẻ lau dính dầu; bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng; kim loại thải, ốc quy hỏng, đầu mẫu que hàn, xỉ hàn, vỏ hộp đựng sơn, dầu mỡ vớt bỏ từ hố thu nước rửa xe.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Trung tâm khoảng 130 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có linh kiện điện tử (tắc te, bóng lưu điện, bóng đèn led); pin, ốc quy thải. Ngoài ra còn phát sinh khoảng 2 kg/năm chất thải y tế có chứa thành phần nguy hại là các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...) và hoá chất thải có chứa thành phần nguy hại (Presept, Chloramin B...).

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công (máy xúc, máy khoan...).

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, máy phát điện dự phòng, hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng.

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động của Dự án có thể xảy ra sự cố cháy nổ, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, sự cố từ hệ thống xử lý nước thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- *Nước thải sinh hoạt*: Bố trí 05 nhà vệ sinh di động tạm thời, có bể chứa chất thải, dung tích bể chứa chất thải khoảng $1\text{m}^3/\text{nàh}$ tại khu vực công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải mang đi xử lý.

- *Nước thải thi công*:

+ *Nước thải rửa xe*: Xây dựng 02 hố ga (kích thước BxLxH= $2\text{m} \times 2\text{m} \times 1,2\text{m}$ và $2\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$). Nước được thu gom, lắng cặn và vớt váng dầu tại hố ga lớn ($2\text{m} \times 2\text{m} \times 1,2\text{m}$) sau đó bơm sang hố ga nhỏ. Hố ga nhỏ dung tích 2m^3 để làm hố bơm, đơn vị thi công sử dụng bơm để bơm hút nước thoát ra hệ thống thoát nước thải thi công chung. Dầu mỡ thu được xử lý cùng với các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công.

+ *Đối với nước thải thi công xây dựng*: Thu gom về hố ga kích thước $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$ để lắng đọng đất, cát,... trước khi thải ra ngoài môi trường.

- *Nước mưa chảy tràn*: Bố trí đường thu gom nước mưa xung quanh công trường và hố ga lắng cặn tạm thời, kích thước $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$ tại công trường để thu gom và lắng đọng đất, cát trong nước mưa trước khi thải ra ngoài môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- *Hệ thống thu gom nước thải*: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 23 bể tự hoại có tổng thể tích 278m^3 , nước thải từ nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ có thể tích 22m^2 , sau đó nước thải được dẫn vào đường ống nhựa HDPE D300, có tổng chiều dài 1.465m , độ dốc đường ống $0,33\%$, qua 64 hố ga lắng cặn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Trung tâm để xử lý đạt mức A của QCVN 14:2008/BTNMT thoát vào kênh T3-3 trạm bơm Chu Đậu.

- *Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $210\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, chia làm 02 cụm bể xử lý*:

Nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại, nước thải khu vực nhà sau xử lý sơ bộ
 → Bể thu gom ($01\text{ bể}/18\text{m}^3$) → Bể điều hòa ($01\text{ bể}/69,36\text{m}^3$) → Bể thiếu khí ($02\text{ bể}/60\text{m}^3$) → Bể hiếu khí ($02\text{ bể}/117,76\text{m}^3$) → Bể lắng sinh học ($2\text{ bể}/32\text{m}^3$) → Bồn lọc áp lực (02 bồn lọc) → Thiết bị khử trùng UV (02 thiết bị) → Kênh T3-3 trạm bơm Chu Đậu (phía trước Dự án).

- *Vị trí xả nước thải*: 01 điểm xả thải vào kênh T3-3 trạm bơm Chu Đậu (phía trước dự án) thuộc xã Nam Hồng, huyện Nam Sách.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, giá trị C_{max} tương ứng $K=1,0$.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Vận chuyển đúng tải trọng xe, phủ bạt kín thùng xe, không chở quá tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khi xảy ra sự cố.

- Lắp dựng hàng rào quây tôn cao từ 2-3m xung quanh khu vực thi công để cách ly và chống bụi.

- Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu tại khu vực thi công khi chưa có nhu cầu sử dụng đến.

- Bố trí cầu rửa xe khu vực công ra vào công trường để rửa sạch gầm, bánh xe trước khi ra khỏi công trường.

- Phun nước tưới đường vận chuyển để chống bụi tần suất tối thiểu 2 lần/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh theo đúng mật độ quy hoạch.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh sân đường nội bộ.

- Bố trí các nắp đậy hố ga, hệ thống thu gom, thoát nước thải, nước mưa.

- Tại bếp nấu ăn lắp đặt hệ thống hút mùi, quạt thông gió để giảm mùi.

- Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy kín, thực hiện vệ sinh, thu gom hàng ngày.

- Đối với khí thải, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Khí thải (mùi) phát sinh từ bể thu gom, điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải được thu gom bằng đường ống nhựa DN200 nhờ quạt hút vào hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) trước khi xả ra môi trường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn lá sinh khối thực vật: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển mang đi xử lý.

- Đối với chất thải phát sinh từ hoạt động di dời mộ: Thuê đơn vị có chức năng thực hiện di dời mộ về Nghĩa trang nhân dân thôn Đụn, xã Nam Hồng theo

thỏa thuận với địa phương. Chất thải phát sinh chủ yếu là vật liệu xây dựng được tận dụng làm vật liệu san lấp tại chỗ.

- Đối với đất hữu cơ: Được tận dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác dung tích 50 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị chức năng hàng ngày đến thu gom, vận chuyển chất thải đi xử lý.

- Đối với chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng: Thực hiện phân loại tại nguồn. Đối với chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng (vỏ bao, sắt, thép thừa...) bán lại cho các đơn vị tái chế; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn, hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 10 thùng HDPE dung tích 120 lít/thùng tại khu vực bếp ăn; 300 thùng HDPE dung tích 10-20 lít/thùng thu gom chất thải khu vực nhà làm việc, phòng học, phòng đa năng, các khu vực nội trú; 50 thùng HDPE loại 120 lít đặt xung quanh khuôn viên của Dự án để thu gom tạm thời chất thải phát sinh đưa về kho chứa chất thải thông thường có diện tích 25m², Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển mang đi xử lý, tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn trong quá trình hoạt động: Bố trí thùng chứa chất thải thông thường đặt tại các khu dạy nghề, dạy học của Trung tâm với số lượng khoảng 25 thùng có nắp đậy bằng nhựa PVC, loại 120 lít/thùng để thu gom chất thải về kho chứa.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, hố ga, bể phốt, bể tách mỡ: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, nạo vét, tần suất 3 tháng/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hạn chế tối đa hoạt động sửa chữa xe, máy móc thi công tại công trường.

- Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu giữ, phân loại vào từng thùng chứa riêng. Các thùng thu gom được dán tên, mã chất thải nguy hại và đặt tại khu vực kho chứa tạm thời diện tích khoảng 5m² tại khu vực cao ráo, có bố trí biển báo rõ ràng theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển chất thải mang đi xử lý.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải được phân loại tại nguồn, bố trí 6 thùng có dung tích từ 120 lít đặt tại kho chứa có diện tích 25m². Tại phòng y tế và phục hồi chức năng bố trí 4 thùng chứa chất thải y tế loại 15 lít để thu gom về kho chứa. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất 6 tháng/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm.

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Trang bị các trang thiết bị PCCC (trụ cứu hỏa, bể PCCC), bố trí các đèn chiếu sáng, tiêu lệnh PCCC, bình bột chữa cháy tại các khu vực thuận tiện, dễ nhìn. Tiến hành huấn luyện về PCCC cho đội PCCC của cơ sở.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế. Trang bị kiến thức cho cán bộ vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống, nhận biết các dấu hiệu dẫn đến sự cố và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra.

- Khi phát hiện sự cố tại một trong hai cụm xử lý của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống van xả nước thải sẽ đóng lại và dừng việc xả nước thải của cụm bị sự cố ra ngoài môi trường, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại các bể của cụm bị sự cố để tiến hành khắc phục, sửa chữa, đồng thời cắt giảm lượng nước cấp để giảm lượng nước thải phát sinh. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, nước thải từ bể chứa được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý. Khi hệ thống xảy ra sự cố kéo dài phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải

mang đi xử lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 điểm tại khu vực cổng vào công trường; 01 điểm tại khu vực giữa công trường, 01 điểm tại khu dân cư phía Bắc dự án, 01 điểm tại khu dân cư phía Nam dự án).

- Các thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung, bụi, CO, NO₂, SO₂

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát nước thải thi công

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận.

- Các thông số giám sát: pH, TSS, dầu mỡ khoáng, COD, BOD₅, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, mức B.

5.1.3. Giám sát chất thải

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, gồm:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án, chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tại các khu vực triển khai thi công theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng.

- Chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực bãi thải, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện công tác đền bù thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án do sụt lún và các tuyến đường vận chuyển bị hư hỏng./.